TRƯỜNG ĐH SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH TP.HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2024
Ngành: Đạo diễn sân khấu
Mã ngành: 7210227

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	Mã HS	KV	SBD	Phòng thi	Phân tích (hs2)	Năng khiếu	Văn	Tổng điểm
1	Nguyễn Quốc Anh	19-06-05		19	06	10	3	00001	0001	8.00	5.50	7.8	29.30
2	Nguyễn Lê Quốc Bảo	17-04-03		42	01	15	1	00002	0001			6.7	7.45
3	Dương Yến Châu	23-04-94	Nữ	02	06	5	3	00003	0001	9.00	5.50	6.4	29.90
4	Phùng Minh Cương	26-05-02		01	17	8	3	00004	0001	8.00	8.50	7.3	31.80
5	Lý Anh Duyên	20-11-92	Nữ	44	11	4	3	00005	0001	6.00	5.50	6.6	24.10
6	Trương Quốc Hải	02-11-00		50	01	16	2NT	00006	0001	8.00	8.50	7.8	32.80
7	Nguyễn Phú Hậu	19-06-94		51	05	19	2	00007	0001	6.00	9.00	7.3	28.55
8	Lê Nguyên Khôi	20-12-02		52	01	9	1	00008	0001	6.00	9.00	7.3	29.05
9	Đoàn Chung Kiên	27-03-99		02	08	11	3	00009	0001	8.00	5.50	7.2	28.70
10	Võ Ngọc Khánh Lan	28-04-99	Nữ	53	01	1	3	00010	0001	7.00	5.50	6.9	26.40
11	Nguyễn Khánh Ngọc	27-09-04	Nữ	02	15	3	3	00011	0001	8.00	5.50	7.2	28.70
12	Nguyễn Minh Nhật	06-10-89		02	16	59	3	00012	0001	6.00	8.00	5.7	25.70
13	Nguyễn Trần ý Nhiên	09-12-01	Nữ	02	18	6	2NT	00013	0001	7.00	8.00	6.5	29.00
14	Nguyễn Hoàng Phúc	20-08-84		02	15	14	3	00014	0001	7.00	8.00	6.5	28.50
15	Giàng Văn Sơn	13-03-84		02	04	12	2	00015	0001	4.50	8.00	6.7	23.95
16	Nguyễn Hữu Tâm	13-10-89		02	15	13	3	00016	0001	7.00	8.50	5.5	28.00
17	Đỗ Hoàng Tuấn	14-01-93		02	20	2	2	00017	0001	7.00	9.00	6.4	29.65
18	Khuất Bá Tùng	28-08-02		01	19	7	3	00018	0001	5.50	8.50	6.8	26.30
19	Phạm Doãn Cát Tường	08-05-00	Nữ	42	01	17	1	00019	0001	7.00	5.50	6.5	26.75
20	Nguyễn Hùng Vương	19-07-94		55	03	18	3	00020	0001	8.00	9.00	6.9	31.90

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Trọng Hiếu

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Lê Hùng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Huy Quang

TRƯỜNG ĐH SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH TP.HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2024
Ngành: Đạo diễn điện ảnh, truyền hình
Mã ngành: 7210235

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã tỉnh	Mã huyện	Mã HS	KV	SBD	Phòng thi	Phân tích (hs2)	Năng khiếu	Văn	Tổng điểm	Điểm chuẩn
1	Nguyễn Huỳnh Khánh Bảo	05-11-02	Nữ	34	01	29	2	00021	0002	6.50	9.00	6.1	28.35	26.00
2	Nguyễn Gia Bảo	25-02-98		58	02	53	2NT	00022	0002	7.00	9.00	6.8	30.30	26.00
3	Trịnh Tấn Chung	24-01-91		48	01	44	2	00023	0002	7.50	8.50	6.7	30.45	26.00
4	Nguyễn Lê Hoàng Cúc	22-01-95	Nữ	47	01	56	2	00024	0002	6.50	8.50	6.3	28.05	26.00
5	Nguyễn Tân Cương	18-06-99		01	08	41	3	00025	0002	8.00	9.00	8.6	33.60	26.00
6	Phạm Linh Giang	30-05-01	Nữ	26	01	22	2	00026	0002	8.00	8.50	8.8	33.55	26.00
7	Võ Trường Giang	20-09-93		02	19	38	3	00027	0002	7.00	6.00	6.3	26.30	26.00
8	Nguyễn Lê Thiên Hà	01-11-67		02	15	52	3	00028	0002	7.50	5.00	6.1	26.10	26.00
9	Châu Nguyễn Bảo Hân	03-05-92	Nữ	49	07	37	3	00029	0002	8.00	9.00	7.6	32.60	26.00
10	Nguyễn Thị Ngọc Hân	06-10-01	Nữ	53	05	50	2	00030	0002	6.50	5.00	8.7	26.95	26.00
11	Nguyễn Trung Hậu	02-10-01		53	04	45	3	00031	0002			7.8	7.80	26.00
12	Nguyễn Văn Hên	18-05-98		54	04	28	2	00032	0002	7.00	6.50	6.7	27.45	26.00
13	Đỗ Ngô Trung Hiếu	01-02-04		28	13	47	1	00033	0002	4.50	7.00	6.7	23.45	26.00
14	Nguyễn Viết Hoài	18-01-97		48	05	43	2	00034	0002	5.50	6.00	5.2	22.45	26.00
15	Đặng Văn Hùng	28-02-89		43	01	23	1	00035	0002	7.50	9.00	5.8	30.55	26.00
16	Bùi Quang Huy	03-07-02		48	10	21	2NT	00036	0002	7.50	8.50	7.1	31.10	26.00
17	Phan Quang Nhật Kha	16-03-05		40	07	51	1	00037	0002	5.00	9.00	7.2	26.95	26.00
18	Nguyễn Anh Khoa	07-05-04		02	14	32	3	00038	0002	5.50	5.00	6.2	22.20	26.00
19	Dương Lê Tuấn Kiệt	29-05-02		02	02	55	3	00039	0002	5.00	5.00	7.2	22.20	26.00
20	Phạm Thiên Kim	18-03-03		37	01	54	3	00040	0002	6.50	6.50	7.0	26.50	26.00
21	Châu Nhơn Kỳ	18-08-00		02	11	58	3	00041	0003	6.00	7.50	9.0	28.50	26.00
22	Lưu Hoàng Lâm	15-12-00		40	01	60	1	00042	0003	5.50	6.00	6.5	24.25	26.00
23	Nguyễn Huyền Linh	31-10-02	Nữ	40	01	57	3	00043	0003	6.50	7.50	5.6	26.10	26.00
24	Lê Thành Lộc	24-11-94		58	05	46	1	00044	0003	6.50	6.50	5.0	25.25	26.00
25	Phan Thanh Long	01-01-01		42	01	24	2	00045	0003	5.00	8.50	7.0	25.75	26.00
26	Võ Trung Nghĩa	20-11-95		53	11	20	2	00046	0003	6.50	5.00	8.7	26.95	26.00
27	Nguyễn Phi Học Nguyên	11-09-91	Nữ	02	18	40	3	00047	0003	7.50	7.50	6.3	28.80	26.00
28	Nguyễn Trung Nhân	31-07-97		02	14	49	3	00048	0003	6.50	7.00	5.5	25.50	26.00
29	Nguyễn Xuân Minh Nhựt	19-02-89		02	10	30	3	00049	0003	6.50	5.00	5.0	23.00	26.00
30	Trương Đình Phi	26-07-92		02	16	27	3	00050	0003	6.00	7.00	5.9	24.90	26.00
31	Lưu Quốc Phong	25-04-02		02	05	36	3	00051	0003	6.50	5.50	6.1	24.60	26.00
32	Phan Hồng Phúc	01-07-01	Nữ	54	01	31	2	00052	0003	6.50	8.00	7.1	28.35	26.00
33	Trần Quang Thành	10-12-03		02	17	25	2NT	00053	0003	6.50	8.00	8.4	29.90	26.00
34	Lâm Nguyễn Quốc Thịnh	27-11-04		02	15	35	3	00054	0003	5.50	6.00	6.8	23.80	26.00
35	Lương Viết Thơm	01-09-84		28	03	34	2	00055	0003	8.00	7.50	6.1	29.85	26.00
36	Nguyễn Thị Thanh Thư	10-04-99	Nữ	40	01	48	1	00056	0003	6.50	7.50	6.7	27.95	26.00
37	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	17-03-99	Nữ	53	08	26	2NT	00057	0003	7.00	6.50	8.0	29.00	26.00
38	Nguyễn Đặng Trọng Tín	29-04-86		50	04	39	3	00058	0003	6.00	7.50	6.3	25.80	26.00

39	Lâm Chí Trung	02-03-95		53	01	42	2	00059	0003	5.00	5.00	7.3	22.55	26.00
40	Phạm Nguyễn Bá Tùng	13-11-88		02	18	33	3	00060	0003	5.50	7.50	5.6	24.10	26.00

NGƯỜI LẬP BẢNG

Nguyễn Trọng Hiếu

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Lê Hùng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phạm Huy Quang